

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 14 - 42 |
| 8. Phụ lục | 43 - 46 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 3700413826 (số cũ là 4603000041) ngày 26 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

| <u>Cổ đông</u> | <u>Vốn góp (VND)</u> | <u>Tỷ lệ (%)</u> |
|---|--------------------------|------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | 607.005.000.000 | 60,70% |
| Ông Nguyễn Tấn Lợi | 4.350.000.000 | 0,43% |
| Ông Lê Minh Tâm | 2.921.700.000 | 0,29% |
| Ông Đoàn Văn Thuận | 3.204.000.000 | 0,32% |
| Bà Lê Thị Diệu Thanh | 4.350.000.000 | 0,43% |
| Các cổ đông khác | 378.169.300.000 | 37,83% |
| Cộng | 1.000.000.000.000 | 100,00% |

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương | Đường DT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước | Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cầu kiện bê tông đúc sẵn TDC | Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC | Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | 107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương | Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |
| Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch bất động sản | Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa | Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng | 73 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |
| Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng | Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty đã tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc dự án khu phố liên kế thương mại Uni town và làng sinh thái Moon River, đối với hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng thì số lượng bán ra và đơn giá bán đều tăng so với năm trước.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2011 như sau:

| | Số tiền (VND) |
|--|-----------------------|
| Giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng | |
| Ban quản lý điều hành | (378.666.139) |
| Giảm trích quỹ đầu tư phát triển | (344.241.945) |
| Giảm trích quỹ dự phòng tài chính | (172.120.972) |
| Giảm trích quỹ vào vốn khác của chủ sở hữu | (172.120.972) |
| Chia cổ tức | 80.000.000.000 |
| Cộng | 78.932.849.972 |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Bà Bùi Thị Lan | Chủ tịch | 11 tháng 11 năm 2005 | - |
| Ông Quán Văn Viết Cường | Thành viên | 11 tháng 11 năm 2005 | - |
| Ông Lê Minh Tâm | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2002 | - |
| Ông Đoàn Văn Thuận | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Huỳnh Thị Phương Thảo | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------------|------------|----------------------|-----------------|
| Bà Dương Hồng Ty | Trưởng ban | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Hương Dương | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2002 | - |
| Bà Lê Thị Diệu Thanh | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2007 | - |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------|
| Ông Đoàn Văn Thuận | Tổng Giám đốc | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Ông Lê Minh Tâm | Phó Tổng Giám đốc | 07 tháng 11 năm 2003 | - |
| Ông Phan Minh Lâm | Phó Tổng Giám đốc | 18 tháng 02 năm 2011 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0219/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2012, từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.469.326.693.390 | 1.544.742.123.202 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 63.614.848.124 | 32.670.003.078 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.614.848.124 | 12.670.003.078 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 54.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 10.727.694.669 | 111.075.216.070 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 12.593.383.585 | 112.226.355.520 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (1.865.688.916) | (1.151.139.450) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.162.853.043.338 | 588.801.052.223 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 1.067.742.250.252 | 165.455.841.347 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 82.989.881.936 | 406.613.533.480 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 16.319.520.127 | 19.236.486.443 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.7 | (4.198.608.977) | (2.504.809.047) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.227.634.371.648 | 772.114.350.502 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 1.227.634.371.648 | 772.114.350.502 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.496.735.611 | 40.081.501.329 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 208.922.485 | 53.952.248 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.526.790.728 | 31.985.468.215 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 761.022.398 | 8.042.080.866 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 184.299.478.543 | 141.333.998.989 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 102.184.617.956 | 81.875.178.366 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 73.582.578.029 | 69.083.323.968 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 115.333.138.103 | 101.720.640.041 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (41.750.560.074) | (32.637.316.073) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 8.194.781.232 | 11.461.533.636 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 8.944.200.743 | 12.074.484.886 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (749.419.511) | (612.951.250) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.12 | 20.407.258.695 | 1.330.320.762 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.13 | 1.930.505.605 | 2.115.834.145 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 2.409.271.000 | 2.409.271.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (478.765.395) | (293.436.855) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 76.470.900.192 | 51.560.910.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 21.494.000.000 | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | 7.635.910.000 | 27.900.910.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 50.860.000.000 | 23.660.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.17 | (3.519.009.808) | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.713.454.790 | 5.782.076.478 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.18 | 2.227.991.280 | 1.475.825.029 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.19 | 467.816.830 | 3.585.706.649 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.20 | 1.017.646.680 | 720.544.800 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.653.626.171.933 | 1.686.076.122.191 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.395.871.278.230 | 1.334.990.391.354 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.238.760.768.602 | 1.184.568.008.541 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.21 | 117.580.482.251 | 597.393.183.131 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.22 | 344.682.085.970 | 91.925.952.987 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.23 | 232.510.281.131 | 282.337.113.571 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.24 | 26.974.630.807 | 9.634.544.914 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.25 | 2.992.437.957 | 1.810.636.890 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.26 | 390.161.886.500 | 12.177.973.794 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.27 | 99.528.850.353 | 166.475.837.730 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.28 | 22.006.731.427 | 11.328.596.313 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.29 | 2.323.382.206 | 11.484.169.211 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 157.110.509.628 | 150.422.382.813 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.30 | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | IV.12 | 339.904.697 | 422.382.813 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.31 | 6.770.604.931 | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.257.754.893.703 | 351.085.730.837 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.257.754.893.703 | 351.085.730.837 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.32 | 1.000.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.32 | 1.841.123.840 | 2.062.223.840 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | V.32 | 4.640.739.814 | 4.812.860.786 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | V.32 | (5.278.598.846) | (439.592.214) |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.32 | 28.331.589.757 | 28.675.831.702 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.32 | 13.537.934.890 | 13.710.055.862 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.32 | 214.682.104.248 | 102.264.350.861 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.653.626.171.933 | 1.686.076.122.191 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-------------|------------|------------|---|
| | | | | | |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | | - | | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | | - | | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | | - | | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | | 14.224.277 | | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | | - | | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | | - | | - |

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.807.755.038.944 | 625.521.650.821 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 22.624.177.762 | 13.014.561.840 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 1.785.130.861.182 | 612.507.088.981 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.479.707.039.298 | 516.042.038.954 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 305.423.821.884 | 96.465.050.027 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 23.475.729.176 | 71.977.016.721 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 26.437.708.130 | 12.788.100.050 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 20.870.252.149 | 10.684.391.598 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 51.597.742.387 | 34.401.281.354 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 36.120.242.544 | 24.304.659.838 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 214.743.857.999 | 96.948.025.506 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 43.439.154.872 | 27.283.226.659 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 4.513.423.162 | 1.109.867.921 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 38.925.731.710 | 26.173.358.738 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 253.669.589.709 | 123.121.384.244 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.24 | 59.201.096.531 | 30.659.683.967 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.19 | 3.117.889.819 | (353.095.993) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>191.350.603.359</u> | <u>92.814.796.270</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | - | - |


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|---|-----------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 253.669.589.709 | 123.121.384.244 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.10; V.11; V.13 | 12.117.272.064 | 11.983.756.484 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.3; V.7; V.17 | 5.927.359.204 | 3.307.529.951 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3; VI.7; VI.8 | (28.480.616.821) | (6.757.565.796) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 20.870.252.149 | 10.684.391.598 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 264.103.856.305 | 142.339.496.481 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (441.099.507.629) | (245.518.924.560) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (455.520.021.146) | (371.247.226.222) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 503.910.767.233 | (72.304.031.658) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (907.136.488) | 402.662.273 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | V.26; VI.4 | (2.312.085.482) | (10.684.391.598) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.24 | (44.485.339.627) | (30.156.037.669) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 10.925.873.500 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (12.491.122.746) | (7.788.087.793) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (177.874.716.080) | (594.956.540.746) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10; V.11; V.12 | (36.719.737.431) | (30.570.012.417) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7 | 10.941.127.403 | 1.772.727.278 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.14; V.15; V.16 | (28.429.000.000) | (126.545.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.4; VI.3 | 22.799.722.034 | 4.984.424.114 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (31.407.887.994) | (150.357.861.025) |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | V.32 | 800.000.000.000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.21 | 348.086.504.509 | 946.005.301.141 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.21 | (827.899.205.389) | (268.883.235.072) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.32 | (79.959.850.000) | (11.348.103.507) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 240.227.449.120 | 665.773.962.562 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 30.944.845.046 | (79.540.439.209) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 32.670.003.078 | 112.210.442.287 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 63.614.848.124 | 32.670.003.078 |

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012


 Huỳnh Thị Phương Thảo
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 558 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 422 nhân viên).

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty đã tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc dự án khu phố liên kế thương mại Uni town và làng sinh thái Moon River, đối với hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng thì số lượng bán ra và đơn giá bán đều tăng so với năm trước.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.000.000.000.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được tổng hợp lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 23 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 18 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 05 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 06 - 10 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 05 - 08 |

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất | 23 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 10% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 05% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 10% |

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 702.749.083 | 377.636.739 |
| Tiền gửi ngân hàng | 8.912.099.041 | 12.292.366.339 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 54.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | <u>63.614.848.124</u> | <u>32.670.003.078</u> |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với giá trị là 30.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|-----------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | 12.593.383.585 | | 12.226.355.520 |
| - Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ) | 261.409 | 3.305.620.570 | 261.409 | 3.305.620.570 |
| - Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE) | 190.697 | 3.202.682.385 | 107.039 | 2.341.702.950 |
| - Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC) | - | - | 80.000 | 1.657.642.000 |
| - Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC) | 445.916 | 4.921.390.000 | 445.916 | 4.921.390.000 |
| - Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ) | 174.800 | 1.163.690.630 | - | - |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | - | | 100.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm | | - | | 100.000.000.000 |
| Cộng | | 12.593.383.585 | | 112.226.355.520 |

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương: tăng do mua thêm 83.658 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 503.080.000 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển đô thị: tăng do mua 174.800 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.163.690.630 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | |
|----------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.151.139.450 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 714.549.466 |
| Số cuối năm | 1.865.688.916 |

4. Phải thu khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|------------------------|
| Các khách hàng kinh doanh hàng hoá | 319.657.565.887 | 96.186.860.993 |
| Các khách hàng kinh doanh bất động sản | 748.084.684.365 | 69.268.980.354 |
| Cộng | 1.067.742.250.252 | 165.455.841.347 |

5. Trả trước cho người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|------------------------|
| Trả trước tiền kinh doanh bất động sản | 81.696.387.480 | 402.285.929.794 |
| Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 1.247.294.456 | 4.327.603.686 |
| Trả trước của nhà cung cấp khác | 46.200.000 | - |
| Cộng | 82.989.881.936 | 406.613.533.480 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu | 238.468.798 | 3.210.000.000 |
| Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản) | 9.749.356.287 | 10.513.125.858 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản) | 2.071.107.280 | 2.137.653.539 |
| Cổ tức phải thu | 3.129.652.903 | 940.000.000 |
| Phải thu Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ | - | 342.392.885 |
| Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu | 486.230.835 | 805.675.269 |
| Các khoản phải thu khác | 644.704.024 | 1.287.638.892 |
| Cộng | <u>16.319.520.127</u> | <u>19.236.486.443</u> |

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | - | 1.560.925.355 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 16.646.240 | 90.344.709 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 112.854.155 | 61.200.178 |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm | 4.069.108.582 | 792.338.805 |
| Cộng | <u>4.198.608.977</u> | <u>2.504.809.047</u> |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.504.809.047 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.693.799.930 |
| Số cuối năm | <u>4.198.608.977</u> |

8. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.552.869.552 | 5.557.840.496 |
| Công cụ dụng cụ | 990.594.689 | 162.721.546 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.148.753.299.119 | 711.829.404.647 |
| Thành phẩm | 1.798.571.940 | 2.074.799.388 |
| Hàng hóa | 65.539.036.348 | 52.481.102.525 |
| Hàng gửi bán | - | 8.481.900 |
| Cộng | <u>1.227.634.371.648</u> | <u>772.114.350.502</u> |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 761.022.398 | 6.921.843.168 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | 1.120.237.698 |
| Cộng | <u>761.022.398</u> | <u>8.042.080.866</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền đẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 10.804.711.452 | 13.698.615.948 | 75.547.030.301 | 1.587.021.255 | 83.261.085 | 101.720.640.041 |
| Mua sắm mới | 382.289.999 | 1.744.866.654 | 2.502.014.691 | 486.308.459 | - | 5.115.479.803 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 7.047.036.564 | 3.719.466.928 | 1.690.543.453 | 33.627.750 | - | 12.490.674.695 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.265.178.328) | (35.672.858) | (2.469.434.484) | (223.370.766) | - | (3.993.656.436) |
| Số cuối năm | 16.968.859.687 | 19.127.276.672 | 77.270.153.961 | 1.883.586.698 | 83.261.085 | 115.333.138.103 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 932.714.953 | 112.811.600 | 939.442.810 | 674.769.976 | 83.261.085 | 2.743.000.424 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 3.224.712.178 | 4.400.427.880 | 23.897.971.523 | 1.030.943.407 | 83.261.085 | 32.637.316.073 |
| Khấu hao trong năm | 1.239.218.613 | 1.644.758.734 | 8.566.603.082 | 287.168.924 | - | 11.737.749.353 |
| Thanh lý, nhượng bán | (547.249.535) | (23.781.912) | (1.830.103.139) | (223.370.766) | - | (2.624.505.352) |
| Số cuối năm | 3.916.681.256 | 6.021.404.702 | 30.634.471.466 | 1.094.741.565 | 83.261.085 | 41.750.560.074 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.579.999.274 | 9.298.188.068 | 51.649.058.778 | 556.077.848 | - | 69.083.323.968 |
| Số cuối năm | 13.052.178.431 | 13.105.871.970 | 46.635.682.495 | 788.845.133 | - | 73.582.578.029 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 94.273.198.091 VND và 50.339.561.387 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 11.966.929.143 | 107.555.743 | 12.074.484.886 |
| Mua trong năm | - | 36.645.000 | 36.645.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.166.929.143) | - | (3.166.929.143) |
| Số cuối năm | 8.800.000.000 | 144.200.743 | 8.944.200.743 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 107.555.743 | 107.555.743 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 505.395.507 | 107.555.743 | 612.951.250 |
| Khấu hao trong năm | 182.997.084 | 11.197.087 | 194.194.171 |
| Thanh lý, nhượng bán | (57.725.910) | - | (57.725.910) |
| Số cuối năm | 630.666.681 | 118.752.830 | 749.419.511 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 11.461.533.636 | - | 11.461.533.636 |
| Số cuối năm | 8.169.333.319 | 25.447.913 | 8.194.781.232 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------|----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 1.001.087.031 | 15.403.818.951 | (5.692.615.118) | 10.712.290.864 |
| XDCB dở dang | 329.233.731 | 19.845.831.883 | (10.530.879.008) | 9.644.186.606 |
| Sửa chữa lớn TSCĐ | - | 50.781.225 | - | 50.781.225 |
| Cộng | 1.330.320.762 | 35.300.432.059 | (16.223.494.126) | 20.407.258.695 |

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Giá trị hao mòn</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 2.409.271.000 | 293.436.855 | 2.115.834.145 |
| Khấu hao trong năm | - | 185.328.540 | - |
| Số cuối năm | 2.409.271.000 | 478.765.395 | 1.930.505.605 |

Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

14. Đầu tư vào công ty con

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|-----------------------|-------------------|----------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾ | 1.561.000 | 15.610.000.000 | - | - |
| Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾ | 288.400 | 2.884.000.000 | - | - |
| Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | - | 3.000.000.000 | - | - |
| Cộng | | 21.494.000.000 | | |

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 15.610.000.000 VND, tương đương 60,04% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 thay đổi lần thứ 03 ngày 12 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt là 2.400.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư 2.884.000.000 VND, tương đương với 53,82% so với số vốn thực góp của các cổ đông sau khi các cổ đông thống nhất chuyển nhượng quyền mua cổ phần của các cổ đông đăng ký mua nhưng từ chối mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700650584 thay đổi lần thứ 02 ngày 19 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 8.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND chiếm 79,37% so với số vốn góp thực tế tại Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các thành viên còn lại không góp bổ sung).

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾ | | 2.235.910.000 | | 2.235.910.000 |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex ⁽ⁱⁱ⁾ | 540.000 | 5.400.000.000 | 440.000 | 4.400.000.000 |
| Trường đại học quốc tế Miền Đông | | - | 1.440.000 | 14.400.000.000 |
| Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ | | - | | 3.000.000.000 |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt | | - | 86.500 | 865.000.000 |
| Công ty cổ phần cửa Nam Âu (nay là Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân) | | - | 300.000 | 3.000.000.000 |
| Cộng | | 7.635.910.000 | | 27.900.910.000 |

- (i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 ngày 13 tháng 2 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex với số vốn là 4.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 5.400.000.000 VND, tương đương 20,00% vốn điều lệ nhưng chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

16. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư cổ phiếu: | | | | |
| - Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản | 700.000 | 7.000.000.000 | 700.000 | 7.000.000.000 |
| - Công ty cổ phần dược Becamex | 100.000 | 1.020.000.000 | 100.000 | 1.020.000.000 |
| - Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước ^(*) | 1.700.000 | 13.800.000.000 | 100.000 | 1.000.000.000 |
| - Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1 | 1.464.000 | 14.640.000.000 | 1.464.000 | 14.640.000.000 |
| - Trường đại học quốc tế Miền Đông | 1.440.000 | 14.400.000.000 | | - |
| Cộng | | 50.860.000.000 | | 23.660.000.000 |

- (*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước: tăng do mua thêm 1.600.000 cổ phiếu với giá mua 12.800.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-------------------|
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con | 3.018.015.175 | - |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh | 500.994.633 | - |
| Cộng | <u>3.519.009.808</u> | <u>-</u> |

18. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 849.920.250 | 3.918.920.302 | (2.478.082.019) | (445.833.336) | 1.844.925.197 |
| Chi phí thuê văn phòng | 212.400.000 | 1.606.037.080 | (1.516.623.273) | - | 301.813.807 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 413.504.779 | 29.000.000 | (361.252.503) | - | 81.252.276 |
| Cộng | <u>1.475.825.029</u> | <u>5.553.957.382</u> | <u>(4.355.957.795)</u> | <u>(445.833.336)</u> | <u>2.227.991.280</u> |

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | |
|---------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | 3.585.706.649 |
| Hoàn nhập trong năm | (3.117.889.819) |
| Số cuối năm | <u>467.816.830</u> |

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾ | 117.580.482.251 | 121.829.358.131 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương | - | 475.563.825.000 |
| Cộng | <u>117.580.482.251</u> | <u>597.393.183.131</u> |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:**

| | |
|-----------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 597.393.183.131 |
| Số tiền vay phát sinh | 348.086.504.509 |
| Số tiền vay đã trả | (827.899.205.389) |
| Số cuối năm | <u>117.580.482.251</u> |

22. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 145.560.633.015 | 62.249.644.899 |
| Phải trả tiền cung cấp dịch vụ | 199.121.452.955 | 29.676.308.088 |
| Cộng | <u>344.682.085.970</u> | <u>91.925.952.987</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Người mua trả tiền trước**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản | 225.739.227.009 | 268.719.149.880 |
| Các khoản người mua trả tiền trước khác | 6.771.054.122 | 13.617.963.691 |
| Cộng | <u>232.510.281.131</u> | <u>282.337.113.571</u> |

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 25.360.454.520 | (25.122.013.269) | 238.441.251 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.394.646.635 | 59.201.096.531 | (41.986.531.351) | 24.609.211.815 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 2.137.653.539 | 2.432.262.017 | (2.498.808.276) | 2.071.107.280 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 102.244.740 | 911.008.031 | (957.382.310) | 55.870.461 |
| Các loại thuế khác | - | 14.924.000 | (14.924.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 662.024.000 | (662.024.000) | - |
| Cộng | <u>9.634.544.914</u> | <u>88.581.769.099</u> | <u>(71.241.683.206)</u> | <u>26.974.630.807</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 253.669.589.709 | 123.121.384.244 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 1.453.164.495 | 992.062.351 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (18.318.368.079) | (1.474.710.728) |
| Thu nhập tính thuế | 236.804.386.125 | 122.638.735.867 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>59.201.096.531</u> | <u>30.659.683.967</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 còn phải trả.

26. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 28.533.916.667 | 9.975.750.000 |
| Trích trước chi phí công trình | 361.627.969.833 | 2.202.223.794 |
| Chi phí khác | - | - |
| Cộng | <u>390.161.886.500</u> | <u>12.177.973.794</u> |

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 266.199.716 | 76.475.831 |
| Cổ tức phải trả | 145.832.124 | 105.682.124 |
| Thu hộ tiền bán đất cho Becamex | 59.722.057.650 | 149.025.289.000 |
| Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng | 22.415.585.750 | 15.338.917.800 |
| Nhận ký quỹ môi giới | 7.735.073.500 | - |
| Tiền mua cổ phần Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước | 4.800.000.000 | - |
| Tiền rút thăm trúng thưởng | 2.186.000.000 | - |
| Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án | 190.000.000 | 640.000.000 |
| Tạm thu thuế thu nhập cá nhân | 690.111.200 | 494.854.358 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.377.990.413 | 794.618.617 |
| Cộng | <u>99.528.850.353</u> | <u>166.475.837.730</u> |

28. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|-----------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 11.328.596.313 |
| Tăng do trích lập trong năm | 21.913.979.909 |
| Hoàn nhập trong năm | (9.888.382.137) |
| Giảm do thanh lý hợp đồng | (1.347.462.658) |
| Số cuối năm | <u>22.006.731.427</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Điều chỉnh phân loại | Số cuối năm |
|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 8.691.962.085 | (309.817.751) | (6.405.092.177) | 19.200.000 | 1.996.252.157 |
| Quỹ phúc lợi | 1.329.634.969 | (34.424.194) | (1.297.028.689) | (19.200.000) | (21.017.914) |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 1.462.572.157 | (34.424.194) | (1.080.000.000) | - | 348.147.963 |
| Cộng | 11.484.169.211 | (378.666.139) | (8.782.120.866) | - | 2.323.382.206 |

30. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

| | |
|------------------------|------------------------|
| Dưới 01 năm | - |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 150.000.000.000 |
| Tổng nợ | 150.000.000.000 |

31. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

32. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 43.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | |
|-------------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức các năm trước | 7.850.000 |
| Tạm ứng cổ tức (40% mệnh giá) | 79.952.000.000 |
| Cộng | 79.959.850.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 100.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 100.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 100.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 100.000.000 | 20.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 1.807.755.038.944 | 625.521.650.821 |
| - Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng | 386.895.577.054 | 154.543.359.614 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 208.101.458.740 | 234.914.980.665 |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 1.205.431.877.142 | 228.040.060.916 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 7.326.126.008 | 8.023.249.626 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (22.624.177.762) | (13.014.561.840) |
| - Hàng bán bị trả lại | (22.624.177.762) | (13.014.561.840) |
| Doanh thu thuần | <u>1.785.130.861.182</u> | <u>612.507.088.981</u> |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng | 386.895.577.054 | 154.543.359.614 |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm | 208.101.458.740 | 234.914.980.665 |
| - Doanh thu kinh doanh bất động sản | 1.182.807.699.380 | 215.025.499.076 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 7.326.126.008 | 8.023.249.626 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng | 364.361.197.896 | 141.850.049.608 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾ | 180.490.106.695 | 218.242.189.672 |
| Giá vốn kinh doanh bất động sản | 921.815.595.597 | 155.959.361.751 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 13.040.139.110 | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (9.562.077) |
| Cộng | <u>1.479.707.039.298</u> | <u>516.042.038.954</u> |

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 160.864.273.991 | 181.066.775.546 |
| Chi nhân công trực tiếp | 6.891.720.814 | 4.681.386.878 |
| Chi phí sản xuất chung | 35.888.396.771 | 44.735.980.654 |
| Tổng chi phí sản xuất | <u>203.644.391.576</u> | <u>230.484.143.078</u> |
| Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 263.881.074 | 1.300.898.530 |
| Trừ xuất khác | (258.453.984) | (5.796.402.818) |
| Tổng giá thành sản xuất | <u>203.649.818.666</u> | <u>225.988.638.790</u> |
| Chênh lệch tồn kho thành phẩm | 475.086.295 | (1.294.979.584) |
| Nhập khác | - | 5.470.282.847 |
| Nhập xuất chuyển kho | (23.634.798.266) | (11.921.752.381) |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | <u>180.490.106.695</u> | <u>218.242.189.672</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 14.763.289.116 | 3.037.329.414 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.155.417.444 | 1.498.441.244 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 5.846.808.803 | 2.887.094.700 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 1.407.745.816 | - |
| Lãi đầu tư cổ phiếu | - | 11.534.715.181 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 52.840.425.000 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 302.467.997 | 179.011.182 |
| Cộng | <u>23.475.729.176</u> | <u>71.977.016.721</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 20.870.252.149 | 10.684.391.598 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 787.646.500 | - |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn | 506.618.100 | - |
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | 4.233.559.274 | 1.151.139.450 |
| Chi phí khác | 39.632.107 | 952.569.002 |
| Cộng | <u>26.437.708.130</u> | <u>12.788.100.050</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.621.560.246 | 6.835.861.152 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.586.075.274 | 3.115.404.312 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.555.228.499 | 1.429.140.966 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 8.458.586.404 | 7.101.017.656 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.192.157.528 | 9.729.795.693 |
| Chi phí khác | 20.184.134.436 | 6.190.061.575 |
| Cộng | <u>51.597.742.387</u> | <u>34.401.281.354</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 13.499.211.749 | 9.979.436.136 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.682.811.036 | 662.376.768 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.812.709.366 | 1.624.627.788 |
| Chi phí dự phòng | 1.708.024.207 | 2.165.952.578 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.445.188.714 | 960.544.695 |
| Chi phí khác | 15.972.297.472 | 8.911.721.873 |
| Cộng | <u>36.120.242.544</u> | <u>24.304.659.838</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 10.941.127.403 | 1.772.727.278 |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình | 9.888.382.137 | 11.166.701.458 |
| Thành phẩm bê tông thừa | 4.044.616.566 | 4.849.271.404 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 18.042.454.044 | 9.202.081.750 |
| Thu nhập khác | 522.574.722 | 292.444.769 |
| Cộng | <u>43.439.154.872</u> | <u>27.283.226.659</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 4.478.354.317 | 939.585.596 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | - | 165.280.880 |
| Chi phí khác | 35.068.845 | 5.001.445 |
| Cộng | <u>4.513.423.162</u> | <u>1.109.867.921</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 175.554.716.003 | 190.533.810.935 |
| Chi phí nhân công | 35.583.377.329 | 25.266.988.201 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.117.272.064 | 11.896.586.786 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 31.126.176.722 | 28.424.853.592 |
| Chi phí khác | 36.980.834.389 | 33.154.681.256 |
| Cộng | <u>291.362.376.507</u> | <u>289.276.920.770</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.3 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 1.021.250.000 | 815.000.000 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 24.402.600 | 31.025.440 |
| Phụ cấp | - | 195.000.000 |
| Tiền thưởng | 292.000.000 | 322.000.000 |
| Cộng | <u>1.337.652.600</u> | <u>1.363.025.440</u> |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|-------------------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | Cổ đông đại diện vốn nhà nước |
| Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt | Công ty con |
| Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ | Công ty con |
| Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân | Công ty con |
| Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức | Công ty liên kết |
| Công ty liên doanh TNHH SinViet | Công ty liên doanh |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ | Công ty cùng Tập đoàn |
| Công ty cổ phần bê tông Becamex | Công ty cùng Tập đoàn |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên | | |
| Xuất bán hàng hoá và dịch vụ | 137.009.935.595 | 108.546.286.345 |
| Thu hộ tiền bán đất | | 5.140.176.200 |
| Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | 314.968.391.717 | 306.079.509.544 |
| Thi công công trình xây dựng | 127.786.944.841 | - |
| Các khoản khác | 133.144.307 | 248.370.335 |
| Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | 73.934.056.563 | 16.504.265.811 |
| Cung cấp dịch vụ | - | 440.334.347 |
| Công ty cổ phần bê tông Becamex | | |
| Bán nguyên vật liệu | 5.496.678.385 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i> | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | - | 1.116.463.306 |
| <i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i> | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | - | 7.302.431.173 |
| Cung cấp dịch vụ | 264.000.000 | 264.000.000 |
| Bán tài sản | 181.818.182 | - |
| Thi công công trình | 18.950.875.969 | - |
| Mua nguyên vật liệu | 2.753.029.073 | 2.420.370.308 |
| <i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i> | | |
| Bán nguyên vật liệu, thành phẩm | 2.030.015.993 | 8.195.952.447 |
| Mua nguyên liệu | 21.563.094.227 | 19.881.774 |
| <i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i> | | |
| Bán nguyên vật liệu | - | 8.400.000 |
| Cung cấp dịch vụ | 797.978.179 | 25.797.000 |
| Nhận cung cấp dịch vụ | - | 104.524.545 |
| <i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i> | | |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất | 4.238.409.091 | - |
| Bán nguyên vật liệu | 151.910.160 | - |
| Bán thành phẩm | 42.490.924 | - |
| Bán tài sản cố định | 136.363.636 | - |
| Phí giám sát, tư vấn thiết kế | 7.765.146.522 | - |
| Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau: | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i> | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 48.817.254.473 | - |
| Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh | 62.673.531.692 | - |
| <i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i> | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 42.855.837.868 | 2.382.916.665 |
| <i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i> | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 572.977.739 | 2.895.457.445 |
| <i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i> | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | 2.001.517.500 | 270.270.058 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i> | | |
| Tiền bán nguyên vật liệu | - | 7.530.474.291 |
| Ứng trước tiền thi công công trình | 1.053.533.232 | - |
| <i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i> | | |
| Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất | 4.040.100.000 | - |
| Bán nguyên vật liệu | 367.326.204 | - |
| <i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i> | | |
| Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ | 338.910.030 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>162.720.988.738</u> | <u>13.079.118.459</u> |
| <i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i> | | |
| Thu hộ tiền bán đất | 59.722.057.650 | 149.025.289.000 |
| Phải trả tiền ứng trước mua nguyên vật liệu | - | 12.217.102.481 |
| Vay dài hạn | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| <i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-Becamex</i> | | |
| Tiền mua nguyên vật liệu | 6.126.548.610 | - |
| <i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i> | | |
| Phí giám sát, tư vấn thiết kế | 5.869.931.773 | - |
| Cộng nợ phải trả | <u>221.718.538.033</u> | <u>311.242.391.481</u> |

Trong năm, Công ty còn dùng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương với giá trị là 30.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 44 đến trang 46.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 63.614.848.124 | 32.670.003.078 | 63.614.848.124 | 32.670.003.078 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 100.000.000.000 | - | 100.000.000.000 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 47.187.694.669 | 34.735.216.070 | 47.187.694.669 | 34.735.216.070 |
| Phải thu khách hàng | 1.063.543.641.275 | 162.951.032.300 | 1.063.543.641.275 | 162.951.032.300 |
| Các khoản phải thu khác | 18.098.189.205 | 27.999.112.109 | 18.098.189.205 | 27.999.112.109 |
| Cộng | 1.192.444.373.273 | 358.355.363.557 | 1.192.444.373.273 | 358.355.363.557 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 344.682.085.970 | 91.925.952.987 | 344.682.085.970 | 91.925.952.987 |
| Vay và nợ | 267.580.482.251 | 747.393.183.131 | 267.580.482.251 | 747.393.183.131 |
| Phải trả người lao động | 2.992.437.957 | 1.810.636.890 | 2.992.437.957 | 1.810.636.890 |
| Chi phí phải trả | 390.161.886.500 | 12.177.973.794 | 390.161.886.500 | 12.177.973.794 |
| Các khoản phải trả khác | 121.875.486.477 | 178.226.816.856 | 121.875.486.477 | 178.226.816.856 |
| Cộng | 1.127.292.379.155 | 1.031.534.563.658 | 1.127.292.379.155 | 1.031.534.563.658 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản đảm bảo nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

- Đối với khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất (chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng tập đoàn) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.
- Đồng thời nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 344.682.085.970 | - | - | 344.682.085.970 |
| Vay và nợ | 117.580.482.251 | 150.000.000.000 | - | 267.580.482.251 |
| Phải trả người lao động | 2.992.437.957 | - | - | 2.992.437.957 |
| Chi phí phải trả | 390.161.886.500 | - | - | 390.161.886.500 |
| Các khoản phải trả khác | 121.535.581.780 | 339.904.697 | - | 121.875.486.477 |
| Cộng | 976.952.474.458 | 150.339.904.697 | - | 1.127.292.379.155 |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------|--------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 91.925.952.987 | - | - | 91.925.952.987 |
| Vay và nợ | 597.393.183.131 | 150.000.000.000 | - | 747.393.183.131 |
| Phải trả người lao động | 1.810.636.890 | - | - | 1.810.636.890 |
| Chi phí phải trả | 12.177.973.794 | - | - | 12.177.973.794 |
| Các khoản phải trả khác | 177.804.434.043 | 422.382.813 | - | 178.226.816.856 |
| Cộng | 881.112.180.845 | 150.422.382.813 | - | 1.031.534.563.658 |

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

| | Thay đổi tỷ giá USD (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|-----------|-------------------------|---|
| Năm nay | + 02 | (610.983.447) |
| | - 02 | 610.983.447 |
| Năm trước | + x | (104.360.902) |
| | - x | 104.360.902 |

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Những thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.17 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ là 5.278.598.846 VND (số năm trước 439.592.214 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quý đầu tư phát triển | Quý dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 2.062.223.840 | - | - | 19.050.110.130 | 8.897.195.076 | 39.789.291.465 | 269.798.820.511 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 92.814.796.270 | 92.814.796.270 |
| Phân phối các quỹ | - | - | 4.812.860.786 | - | 9.625.721.572 | 4.812.860.786 | (30.339.736.874) | (11.088.293.730) |
| Chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | - | - | (439.592.214) | - | - | - | (439.592.214) |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 2.062.223.840 | 4.812.860.786 | (439.592.214) | 28.675.831.702 | 13.710.055.862 | 102.264.350.861 | 351.085.730.837 |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 2.062.223.840 | 4.812.860.786 | (439.592.214) | 28.675.831.702 | 13.710.055.862 | 102.264.350.861 | 351.085.730.837 |
| Tăng vốn trong năm | 800.000.000.000 | - | - | - | - | - | - | 800.000.000.000 |
| Chi phí phát hành | - | (221.100.000) | - | - | - | - | - | (221.100.000) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 191.350.603.359 | 191.350.603.359 |
| Lợi nhuận phân phối các quỹ | - | - | - | - | (344.241.945) | (172.120.972) | 1.067.150.028 | 378.666.139 |
| Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá | - | - | (172.120.972) | - | - | - | - | 439.592.214 |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | 439.592.214 | - | - | (80.000.000.000) | (80.000.000.000) |
| Chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | - | - | (5.278.598.846) | - | - | - | (5.278.598.846) |
| Số dư cuối năm nay | 1.000.000.000.000 | 1.841.123.840 | 4.640.739.814 | (5.278.598.846) | 28.331.589.757 | 13.537.934.890 | 214.682.104.248 | 1.257.754.893.703 |

Đơn vị tính: VND


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực bán hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|--|----------------------|--------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 386.895.577.054 | 208.101.458.740 | 1.182.807.699.380 | 7.326.126.008 | - | 1.785.130.861.182 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 386.895.577.054 | 208.101.458.740 | 1.182.807.699.380 | 7.326.126.008 | - | 1.785.130.861.182 |
| Chi phí bộ phận | (373.111.610.389) | (188.855.825.229) | (956.297.206.957) | (13.040.139.110) | - | (1.531.304.781.685) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 13.783.966.665 | 19.245.633.511 | 226.510.492.423 | (5.714.013.102) | - | 253.826.079.497 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | (36.120.242.544) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | 217.705.836.953 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | 23.475.729.176 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | (26.437.708.130) |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | 43.439.154.872 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | (4.513.423.162) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | (59.201.096.531) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | (3.117.889.819) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.557.117.185 | 28.455.035.754 | 2.567.845.631 | - | - | 35.579.998.570 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 2.423.764.484 | 16.844.802.602 | 1.066.005.613 | - | - | 20.334.572.699 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 161 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Lĩnh vực bán hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|------------------------|------------------------|--|----------------------|--------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 154.543.359.614 | 234.914.980.665 | 215.025.499.076 | 8.023.249.626 | - | 612.507.088.981 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 154.543.359.614 | 234.914.980.665 | 215.025.499.076 | 8.023.249.626 | - | 612.507.088.981 |
| Chi phí bộ phận | (146.373.872.632) | (226.568.323.871) | (177.501.123.805) | - | - | (550.443.320.308) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 8.169.486.982 | 8.346.656.794 | 37.524.375.271 | 8.023.249.626 | - | (24.304.659.838) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | 37.759.108.835 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | 71.977.016.721 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | (12.788.100.050) |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | 27.283.226.659 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | (1.109.867.921) |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | (30.659.683.967) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | 353.095.993 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - | 92.814.796.270 |

Đơn vị tính: VND

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

778.112.619

27.195.050.857

1.335.248.528

-

29.308.412.004

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

1.761.661.923

9.922.509.209

1.839.159.301

-

13.523.330.433

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

-

-

-

-

-



Huỳnh Thị Phương Thảo
 Người lập biểu

Bình Dương, ngày 23 tháng 02 năm 2012



Đoàn Văn Thuệp
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 161 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|--|-----------------------|-------------------|--|--------------------------|
| | Lĩnh vực bán hàng hóa | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản | Lĩnh vực khác |
| Số cuối kỳ | | | | Cộng |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 306.068.606.249 | 158.503.428.595 | 2.017.009.059.486 | 2.481.581.094.330 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | 172.045.077.603 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 2.653.626.171.933 |
| Tổng tài sản | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 270.222.029.745 | 711.265.423 | 1.087.200.146.848 | 1.358.133.442.016 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 37.737.836.214 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.395.871.278.230 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 116.932.096.404 | 86.639.971.898 | 1.223.966.878.768 | 1.427.538.947.070 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | - | - | 258.537.175.121 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 1.686.076.122.191 |
| Tổng tài sản | | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 42.739.971.654 | 32.101.074.624 | 1.248.084.275.073 | 1.322.925.321.351 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | 12.065.070.003 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.334.990.391.354 |

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2012



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu